

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP**

# **TIỂU LUẬN**

**Nghiên cứu chế biến trà An Thần**



---

## Chương: MỞ ĐẦU

Cùng với nhịp độ phát triển của Xã hội hiện nay, gánh nặng công việc luôn đè nặng lên vai tất cả mọi người. Áp lực của công việc mỗi ngày làm cho trí óc và cơ thể của chúng ta luôn ở trong trạng thái căng thẳng và mệt mỏi, quỹ thời gian để nghỉ ngơi cũng trở nên eo hẹp hơn. Vì vậy, một giấc ngủ ngon vào mỗi đêm là phương thức tốt nhất, và hết sức cần thiết để cơ thể hồi phục lại được sức khoẻ sau một ngày làm việc mệt nhọc.

Tuy nhiên, không phải mọi người đều có được một giấc ngủ ngon sau một ngày làm việc, đặc biệt là những người phải làm việc căng thẳng trí óc. Họ thường bị chứng nhức đầu, khó ngủ và hay mộng mị vào ban đêm. Kết quả là sáng dậy cơ thể họ càng mệt mỏi hơn, dẫn đến những chứng bệnh: biếng ăn, huyết áp cao... gây rối loạn sinh lý của cơ thể.

Vì vậy, ngày càng có nhiều người tìm đến với bia, rượu, các loại thuốc ngủ để giúp họ có được một giấc ngủ ngon. Nhưng điều này sẽ gây hại cho cơ thể.

Người dân trên thế giới hiện nay có xu hướng tìm đến với các loại thảo mộc thiên nhiên, có tác dụng an thần để chữa bệnh. Chúng không những chữa khỏi bệnh mà lại không độc hại cho cơ thể, và còn có thể thay thế nước giải khát hằng ngày, lại rất dễ chế biến.

Việt Nam ta là một nước có hệ sinh thái rất đa dạng, đặc biệt là thảm thực vật. Hiện đã tìm thấy được hơn 2000 loại thảo mộc có khả năng chữa bệnh. Và một số bệnh mà Tây y không chữa khỏi, nhưng sử dụng dược liệu tự nhiên lại có thể chữa trị được.

Ngày nay, đã có nhiều công trình khoa học nghiên cứu về một số cây dược thảo giúp An thần, và các công nghệ chế biến nó thành một dạng trà sử dụng để uống mỗi ngày với nhiều dạng và công dụng khác nhau: trà gói, trà bánh, trà túi lọc...

## **Chương 1: GIỚI THIỆU VỀ TRÀ DƯỢC LIỆU**

Trà dược liệu là dạng thuốc bao gồm một trong nhiều loại dược liệu đã được chế biến, phân chia đến một mức độ nhất định, được sử dụng dưới dạng nước hãm.

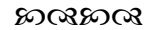
Dược liệu dùng để pha trà có thể là rễ, thân, lá, hoa, quả, hạt và có khi lấy cả ở động vật và khoáng vật. Thực chất trà dược liệu là thang thuốc đặc biệt, thường áp dụng cho những dược liệu có cấu tạo mỏng manh, dễ chiết xuất, không chịu được nhiệt độ khi đun lâu.

Danh từ “trà dược liệu”, “trà thuốc” có thể là do phương thức điều chế, và dạng sử dụng giống như trà uống hằng ngày trong cuộc sống, chứ thực chất chưa hẳn trà dược liệu là phải có trà trong đó.

Nếu như trà là tài sản quý của loài người, thì các loại thảo mộc cũng đóng góp trong việc phát triển, nâng cao nền kinh tế của đất nước. Hiện nay nhiều nước đã và đang sản xuất trà dược liệu ở quy mô lớn và quy mô tự động hoá, hiện đại nước ta có nhiều cây dược liệu, nhu cầu sử dụng lớn, có thể phát triển rộng dạng trà này.

Thực tế trên thị trường nước ta đã xuất hiện và bày bán nhiều loại trà có tác dụng chữa bệnh như: Trà tiêu độc, trà nhuận gan, trà lợi tiểu, trà hạ huyết áp, trà sâm, trà an thần . . . Và cùng tồn tại, phát triển với nó là các sản phẩm ở dạng rượu thuốc, nước giải khát chữa bệnh, thực phẩm chữa bệnh . . .

# MỘT SỐ LOẠI TRÀ DƯỢC LIỆU HIỆN ĐANG CÓ TRÊN THỊ TRƯỜNG



## I. CÔNG THỨC CÁC DẠNG TRÀ THUỐC THƯỜNG DÙNG:

### I.1 Trà giải cảm:

▪ Lá lức	52%
▪ Bạc hà	16%
▪ Cam thảo đất	16%
▪ Nhân trần	16%
▪ Amidon	10%

### I.2 Trà lợi tiểu:

▪ Mã đề	82%
▪ Râu báp	12%
▪ Rễ tranh	6%
▪ Amidon	10%

### I.3 Trà an thần:

▪ Lá sen	20%
▪ Nhân lồng	38%
▪ Lá vông	20%

- Thảo quyết minh 20
- Amidon 10%

#### **I.4 Trà nhuận gan:**

- Nhân trần 33%
- Lá trâm bầu 33%
- Cọng trâm bầu 34%
- Amidon 10%

#### **I.5 Trà tiêu độc:**

- Kinh giới 23%
- Muồng trâu 22%
- Vòi voi 20%
- Sài đất 23%
- Thổ phục linh 10%
- Amidon 12%

#### **I.6 Trà sâm đại hành:**

- Sâm đại hành 79%
- Lá dứa tươi 10%
- Quế loại 2 1%
- Amidon 7%

**I.7 Trà an thần hạ huyết áp:**

- |               |     |
|---------------|-----|
| ▪ Hoa cúc     | 18% |
| ▪ Hoa hoè     | 44% |
| ▪ Hạ khô thảo | 36% |
| ▪ Amidon      | 2%  |

**II. CÁC LOẠI TRÀ DƯỢC LIỆU ĐANG LƯU HÀNH TRÊN THỊ TRƯỜNG:****II.1 Loại trà túi lọc:*****II.2.1 Trà linh chi:***

- Nơi sản xuất: Sở y tế - Xí nghiệp liên hiệp dược Hà Nội.
- Thành phần: Cao linh chi, vong men, lá sen, lạc tiên, dương tam cúc, tá dược vừa đủ.
- Tác dụng: Điều hoà huyết áp, giảm cholesterol, ăn ngon, ngủ tốt, tinh thần sảng khoái, tăng cường chất năng gan, lợi tiểu, sức dẻo dai của cơ thể được tăng cường.

***II.2.2 Trà Raspam:***

- Nơi sản xuất: Xí nghiệp dược phẩm trung ương 24
- Thành phần: Táo nhân, rễ nhàu, mã đề, trạch tả, thực địa, cỏ xước, hoa hoè.
- Tác dụng: Trị huyết áp cao, hạ cholesterol, huyết lợi tiểu

***II.2.3 Trà Rutivon:***

- Nơi Sản xuất: Xí nghiệp chế biến Đông nam dược Quận 5.
- Thành phần: Hoa hoè, thảo quyết minh, lá vong men, tá dược.

- Tác dụng: Trị huyết áp cao, an thần, giấc ngủ, giúp bền vững thành mao mạch trong các chứng dễ xuất huyết.

#### ***II.2.4 Trà sâm túi lọc:***

- Nơi sản xuất: Trung tâm giống cây thuốc cấp 1 Lâm đồng.
- Thành phần: Nhân sâm, hoa cúc, râu bắp
  
- Tác dụng: Bổ huyết, tăng lực, tiêu hoá, tiêu độc, giải nhiệt, giúp giảm tiểu đường, ăn ngon.

#### ***II.2.5 Trà sâm túi lọc:***

- Nơi sản xuất: Trung tâm sinh học thực nghiệm.
- Thành phần: Nhân sâm, Dương quy, Thục địa, Quế chi, Ngũ gia bì, Đinh lăng, Cam thảo.
- Tác dụng: Tăng lực, sáng mắt, nhuận tràng, an thần, lợi tiểu, bền mao mạch.

#### ***II.2.6 Trà seravotea:***

- Nơi sản xuất: Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 24.
- Thành phần: Lá sen, vông nem, lạc tiên, thảo quyết minh.
- Tác dụng: Công dụng an thần, tạo giấc ngủ tự nhiên, tinh thần sáng khoái, ổn định nhịp tim, chống lo âu.

## **II.2 Loại Trà hoà tan:**

### ***II.2.1 Trà Atiso:***

- Nơi sản xuất: Xí nghiệp chế biến Atiso Lâm Đồng.
- Thành phần: Thân, rễ, hoa Atiso.
- Tác dụng: Mát gan, thông mật, lợi tiểu, tăng bài tiết mật, hạ cholesterol và ure huyết.

### ***II.1.2 Trà Atiso:***

- Nơi sản xuất: Công ty Đông nam dược Bảo long.
- Thành phần: Thân, rễ, hoa Atiso.
- Tác dụng: Thanh nhiệt, tiêu độc, lợi tiểu, sáng khoái tinh thần, kích thích tiêu hoá, trị cao huyết áp.

### ***II.1.3 Trà Bát bảo:***

- Nơi sản xuất: Xí nghiệp Đông nam dược Bảo long.
- Thành phần: Bạch cúc, chí tử, long đóm thảo, rau má, bạch mao, nhân trần, hòe hoa.
- Tác dụng: Thanh nhiệt, tiêu độc, lợi tiểu, sáng khoái tinh thần, kích thích tiêu hoá, trị cao huyết áp.

### ***II.1.4 Trà sâm cúc:***

- Nơi sản xuất: Xí nghiệp Đông nam dược Bảo long.
- Thành phần: Nhân trần, mạch môn, thảo quyết minh, cam thảo hoàng kỳ, phụ trần hoa cúc.
- Tác dụng: Tăng lực, trị ù tai, mờ mắt, phổi yếu, ho nhiều, khó thở.



### **II.3 Loại trà gói:**

#### ***II.2.1 Trà an thần:***

- Nơi sản xuất: Công ty Dược phẩm Trung ương 2.
- Thành phần: Lá sen, lá vông, lạc tiên, thảo minh quyết.
- Tác dụng: An thần, trị mất ngủ, ổn định nhịp tim, chống lo âu.

#### ***II.2.2 Trà an thần:***

- Nơi sản xuất: Trung tâm Đào tạo và Nghiên cứu YDHCTDT.
- Thành phần: Táo nhân, rễ nhàu, mã đề.
- Tác dụng: An thần, trị mất ngủ, ổn định nhịp tim, chống mất ngủ.

#### ***II.2.3 Trà hạ huyết áp:***

- Nơi sản xuất: Trung tâm Đào tạo và Nghiên cứu YDHCTDT.
- Thành phần:
- Tác dụng: Trị huyết áp cao, lợi tiểu, ổn định tinh thần, loại cholesterol trong máu.

#### ***II.2.4 Trà lợi tiểu***

- Nơi sản xuất: Công ty dược liệu Trung ương 2
- Thành phần: Mã đề, rễ tranh, râu ngô, dứa hạt.
- Tác dụng: Lợi tiểu trị phù thủy, sỏi thận.

#### ***II.2.5 Trà nhân trần***

- Nơi sản xuất: Cơ sở sản xuất trà nhân trần Hà Nội
- Thành phần: Cam thảo bắc, thảo quyết minh
- Tác dụng: Chữa viêm gan siêu vi, kích thích tiêu hoá, ngủ tốt.

### ***II.2.6 Trà thanh nhiệt***

- Nơi sản xuất: Xí nghiệp liên hiệp dược Thái Bình.
- Thành phần: Hoa hoè, cam thảo bắc, thảo quyết minh.
- Tác dụng: Thanh nhiệt, mát huyết, dùng cho người có máu nóng, hay bị nhức đầu, đại tiện táo bón, nước tiểu ít, bệnh cao huyết áp, bệnh trĩ chảy máu, sốt xuất huyết.

### ***II.2.7 Trà tiêu độc***

- Nơi sản xuất: Trung tâm đào tạo và nghiên cứu Y Dược HCTDT
- Thể phục linh, kim ngân hoa, sài đất, các tần cỏ mực.
- Tác dụng: Trị các chứng phong ngứa, đổ mồ hôi, mề đay.

## **II.4. Loại trà Bánh:**

### **II.4.1 Trà An thần:**

- Nơi sản xuất: Viện y học dân tộc.
- Thành phần: Lạc tiên, vông nem, thảo quyết minh, lá sen.
- Tác dụng: Trị mất ngủ, hồi hộp, chóng mặt.

### **II.4.2 Trà tiêu độc:**

- Nơi sản xuất: viên y học dân tộc.
- Thành phần: Sài đất, hương nhu trắng, kinh giới, thỏ phục linh, muông trâu, bồ công anh.
- Tác dụng: Trị ghẻ lở, mụn nhọt, dị ứng.

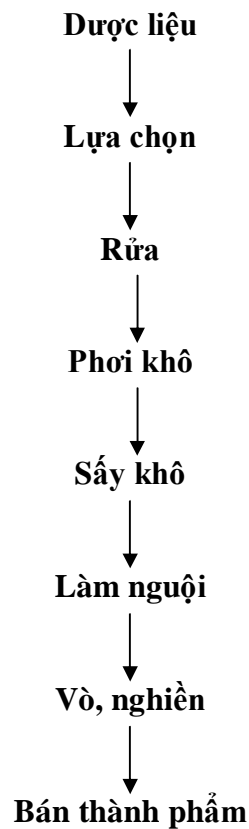
### **III. PHÂN LOẠI SẢN PHẨM.**

Đối với trà dược liệu, tùy theo nguyên liệu khác nhau mà ta có những sản phẩm khác nhau. Theo phương pháp bào chế khác nhau mà ta sẽ có sản phẩm dạng túi lọc, hoà tan, bánh, gói, cốm.

### **III.1 Trà Gói:**

Chủ yếu sử dụng những nguyên liệu mỏng manh, dễ chiết xuất. Dược phân thành những túi nhỏ. Dược liệu là hoa, thân thảo mỏng manh.

#### **QUY TRÌNH SẢN XUẤT TRÀ GÓI:**



Dược liệu có cấu tạo rắn chắc hơn đưa vào tán dập hay làm bột thô để chiết tối đa hoạt chất. Nếu các dược liệu này chiếm tỷ lệ tương đối trong đơn thì chuyển thành cao lỏng hay chiết suất sơ bộ bằng dung môi thích hợp và

---

phối hợp với dược liệu thô. Làm như vậy vừa giảm nhỏ khối lượng của trà vừa tăng cường được tác dụng chữa trị. Trong một số trường hợp, có thể đưa vào trà dược liệu các loại thảo mộc tươi bằng cách ép lấy dịch ép. Với những chất tan được trong các dung môi bay hơi thì hoà tan vào lượng tối thiểu dung môi, dùng các dung môi này làm chất trung gian phân tán.

➤ **Phối trộn dược liệu:**

Theo tỷ lệ trong đơn, phối hợp các dược liệu ( bán thành phẩm ) ở thể rắn trộn đều. Sau đó, nếu có phối trộn với dạng cao lỏng, dịch ép của các dược liệu thì phun đều chất lỏng này lên hỗn hợp dược liệu, tiếp tục sấy khô đến độ ẩm quy định, dung môi thì bay hơi còn các thành phần trong chất lỏng được phân tán dưới dạng hạt nhỏ. Nếu có điều kiện thì tiến hành theo phương pháp phun sương để tránh phân huỷ hoạt chất.

➤ **Đóng gói:**

Dược liệu sấy khô đến độ ẩm < 8%. Để nguội chia thành gói nhỏ quy định, đóng trong bao gói bằng giấy chống ẩm, polyetylen,... Hiện nay nhiều loại trà ở nước ta và các nước trên thế giới được gói trong loại giấy không tan trong nước nóng, kết hợp được giữa vật liệu bao gói và vật liệu lọc rất tiện cho người tiêu dùng.

Khi sử dụng thả một gói trà nhỏ vào một ly, sau đó rót nước sôi để trích ly chất phân tán, sau một thời gian lấy gói trà ra thì dùng được.

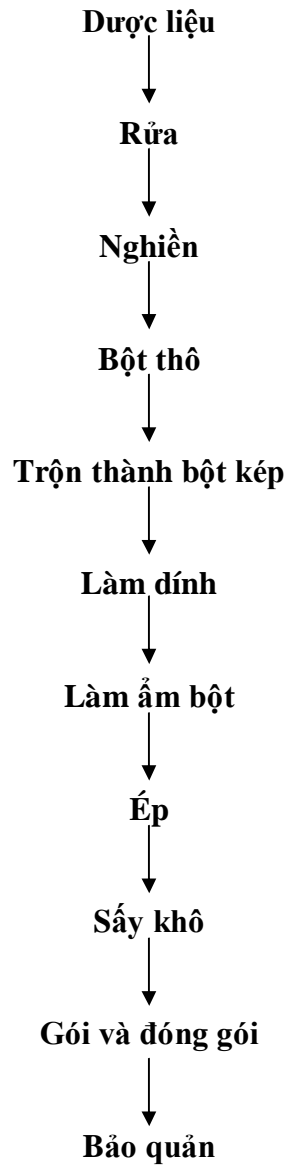
Đối với loại trà này các dược liệu thảo mộc phải đồng nhất dưới một độ nhỏ nhất định và chú ý cân đo đúng liều lượng khi gói thành một gói.

### **III.2 Trà bánh:**

Áp dụng khi trong đơn có nhiều dược liệu có cấu tạo tương đối rắn chắc. Trà bánh là dạng bào chế bằng dược liệu thô kết hợp với chất dẻo có thể

là cao của dược liệu trong công thức, có thể là tá dược dẻo, ép thành bánh có khối lượng quy định ( thường là 5 – 20 g ).

### QUY TRÌNH SẢN XUẤT



➤ *Xử lý – phân chia:*

Dược liệu mỏng manh được tiến hành như làm trà gói. Dược liệu phải có cấu tạo rắn chắc chủ yếu làm thành bột thô. Với một số dược liệu khó chiết xuất chuyển thành cao lỏng hay cao khô.

➤ **Tá dược :**

Chọn loại có độ dính thấp, vì chúng chỉ đóng vai trò trung gian kết hợp với lực nén giữ hình dạng bánh trà trong thời gian bảo quản. Khi sử dụng có thể vò nhỏ bánh trà để hãm. Thường sử dụng ngay các dược liệu có khả năng dính trong đơn và các chất điều trị để kết hợp giữa vai trò hoạt chất và tá dược như: cao lỏng dược liệu, dịch ép tươi, xi rô, mật ong ...

Có hai cách kết hợp tá dược với dược liệu :

Sau khi phối hợp các dược liệu, cho thêm tá dược dính, trộn đều và đóng bánh. Nhưng hay dùng hơn là các dược liệu vào tá dược nóng, khuấy trộn đều , đổ khuôn và nén thành bánh bằng tay hay bằng máy.

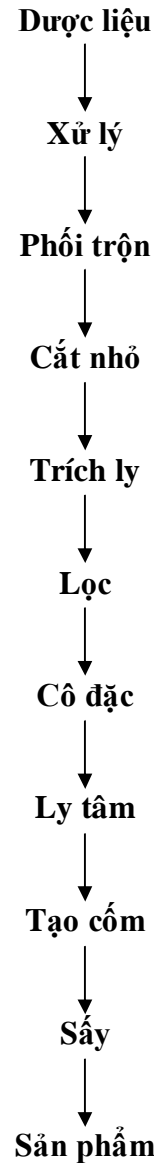
Các tá dược cho thêm vào trà là nguyên nhân làm cho trà dễ hút ẩm, dễ bị nấm mốc, do vậy cần điều chế tá dược trong điều kiện vệ sinh , vô trùng .

Sau khi đã ép thành bánh có thể tích quy định , để nơi thoáng gió cho se mặt ngoài , sấy ở 50 – 60° C cho độ ẩm dưới 5%. Để nguội trong không khí tránh ẩm và bao gói.

### **III.3 Trà cốt :**

---

## QUY TRÌNH SẢN XUẤT



## GIỚI THIỆU VỀ TRÀ AN THẦN VÀ CÔNG DỤNG CỦA NÓ

☯☯☯☯



---

Trong nhiều nguyên nhân, yếu tố ảnh hưởng đến cơ thể con người thì nguyên nhân của chứng nhưc đầu, mất ngủ rất đa dạng. Cơ thể con người là khối thống nhất và đặc biệt vỏ não có vai trò rất quan trọng, nó điều hoà tất cả các hoạt động của cơ thể: tuần hoàn tiêu hoá, hô hấp, bài tiết làm cho con người thành một khối thống nhất so với hoàn cảnh bên ngoài. Bất cứ một kích thích nào bên trong hoặc bên ngoài cơ thể đều có tác dụng đến vỏ não, và bất cứ trạng thái nào của vỏ não cũng ảnh hưởng đến hoạt động của cơ thể: lúc ta buồn bực nước bọt tiết ra ít ta ăn không ngon và tiêu hoá kém đi. Lúc ta lo lắng xao xuyến, tim ta đập dồn dập và ta ngủ không yên. Rồi loạn hoạt động của vỏ não kéo dài do làm việc quá căng thẳng và thiếu nghỉ ngơi thích đáng, hoặc do nguyên nhân của các bệnh cao huyết áp, loạn thần kinh, hen suyễn, ngứa.... cũng có thể dẫn đến chứng bệnh mất ngủ, nản mê, nhưc đầu... Đây là những triệu chứng thường gặp.

Để điều trị những triệu chứng trên cần phối hợp nhiều phương pháp, không chỉ đơn thuần dùng thuốc mà phải kết hợp với rèn luyện, nghỉ ngơi, ăn uống và điều trị tâm lý của con người. Các phương pháp này dẫn đến giúp con người phòng và chữa bệnh một cách hợp lý, hỗ trợ cho cơ thể, giúp con người an thần hơn và ngủ tốt hơn. Ngoài các loại thuốc an thần, gây ngủ như: Gacdenan, phenobacbitan, Bacbituric, librium, Trioxazine, Valium...thì trà an thần cũng là loại để uống làm dịu thần kinh, dễ ngủ.

Trà dược liệu tác dụng an thần được định nghĩa: Có tác dụng chữa các trường hợp mất ngủ, nằm mơ, hồi hộp, người vật vã và các trường hợp nhưc đầu, chóng mặt, co dật, động kinh.

Ưu điểm nổi bật của đông dược là không độc hại đối với cơ thể con người, và nếu đông y chưa chữa lành được bệnh thì kìm sao tồn tại đến ngày nay và vẫn được mọi giới tin dùng. Trong khi Tây y có nhược điểm là gây tác hại phụ lên con người khi sử dụng lâu.

## QUAN ĐIỂM VỀ MẤT NGỦ TRONG Y HỌC



## I. Y HỌC HIỆN ĐẠI:

Ngủ là một hiện tượng sinh lý bình thường của con người. Theo các nhà sinh lý học cho rằng: Chính nhờ giấc ngủ mà thể xác và tinh thần được nghỉ ngơi và khoẻ khoắn, năng suất lao động từ đó đạt cao hơn. Mặt khác ngủ là trạng thái đặc biệt của cơ thể, trong đó cơ thể không liên lạc với môi trường qua đường thần kinh như bình thường. Phần lớn các cơ quan phân tích không hoạt động hoặc hoạt động ở mức độ thấp nhất. Tuy nhiên trong khi ngủ cơ thể không hoàn toàn mất liên lạc với thế giới bên ngoài. Mất ngủ là triệu chứng thường đi kèm theo mọi chứng bệnh và là một trong những chứng bệnh phổ biến hiện nay trong xã hội, ở thành thị tỷ lệ mắc bệnh cao hơn so với nông thôn. Rối loạn giấc ngủ là một trong những triệu chứng chính trong bệnh suy nhược thần kinh. Các rối loạn về giấc ngủ như: ngủ mê, sợ hãi hoặc suốt đêm không ngủ được... thì gọi là mất ngủ.

Trên lâm sàng có thể thấy các biểu hiện sau: Người bệnh trằn trọc suốt đêm không ngủ được hoặc khó ngủ ở giấc đầu, hoặc khó ngủ ở cuối giấc, hoặc ngủ nhưng dễ bị thức giấc... gây ảnh hưởng đến sức khoẻ và sản xuất.

Bất kỳ người nào cũng bị chứng mất ngủ ít nhất một lần, thường tập trung vào các đối tượng làm việc trí óc, những người thuộc thần kinh yếu, dễ xúc cảm.

Một số nguyên nhân có thể gây mất ngủ như: Tinh thần căng thẳng trong thời gian dài mà không được nghỉ ngơi thích đáng, hoặc sống trong môi trường nhiều tiếng động, ồn ào, những người hay lo nghĩ về đời sống, thiếu mục đích lành mạnh trong đời sống dẫn đến tinh thần uỷ mị, bi quan, các chấn thương về tình cảm...Tuy nhiên việc mắc bệnh hay không tùy thuộc vào cơ địa của từng người.

Một số chế phẩm thường dùng trong điều trị chứng mất ngủ: Seduxen. Valium, Phenobarbital, Mepropamate...

## **II. Y HỌC CỔ TRUYỀN:**

Khi âm dương giữ được môi quân bình tương sinh tương khắc chế hoá hài hoà thì hoạt động của tạng phủ không bị rối loạn, khi đó sẽ ngủ ngon và ngủ yên giấc.

Ngược lại khi có sự mất quân bình âm dương, ngũ hành sinh khắc chế hoá thì hoạt động của các tạng phủ sẽ bị rối loạn. Sự rối loạn của lục phủ ngũ tạng đều có thể làm cho người bệnh ngủ không ngon giấc, giấc ngủ không sâu.

Thường thì ngũ tạng lục phủ đều có thể gây khó ngủ nếu đã có những rối loạn. Trong đó ba tạng có ảnh hưởng mạnh nhất là: Tâm, Can, Thận với các biểu hiện: Lo âu, bồn chồn, đánh trống ngực, nóng nảy, bứt rứt trong người, mộng mị, ác mộng, dễ giật mình thức giấc, đau mỏi...trên lâm sàng có thể thấy các chứng: Tâm thận bất giao, tâm huyết bất túc, can huyết hư tổn, tâm kỳ bất túc, thận khí hư suy, thận âm dương lưỡng hư.

Dân gian chữa chứng mất ngủ thường dùng: Lạc tiên sắc nước uống trong ngày, lá vông nem nấu canh ăn, ăn cải xà lách...

Những bài thuốc kinh điển chữa chứng mất ngủ như: Thiên vương bổ tâm quy tỳ... Và ngày nay: Bài An thần, bài Bổ tâm tỳ...

## **Chương 3: NGUYÊN LIỆU**

## **I. LẠC TIÊN**

### **I.1 Nguồn gốc:**

Lạc tiên còn gọi là cây tiên lạc, nhân lồng, lồng đèn, hồng tiên, long châu quả.

Tên khoa học: *Passiflora foetida* L.

Thuộc họ Lạc tiên ( *Passifloraceae* ).

#### ***I.1.1 Mô tả cây:***

Lạc tiên là một loại cây mọng leo, thân mềm, trên có rất nhiều lông mềm. Lá mềm mọc so le, hình tim, dài 6 – 10 cm, rộng 5 – 8 cm, mép lá có lông mịn, cuống lá dài 7 – 8 cm. Đầu tua cuốn thành lò xo. Hoa đơn độc, năm cánh màu trắng hay hơi tím nhạt, đường kính 5.5 cm, lá dài màu trắng phía dưới có gân xanh, dưới lá đài có 3 gân chính với những gân phụ trông như lá mà không có phiến, chỉ có gân lá không thôi. Một đĩa có hai tầng tua, mặt tua trên có màu tím trong vàng, trong cùng có lông mịn. Trụ cao có đầu tím

đỏ, 5 nhị có bao phấn vàng gục xuống dưới. Quả hình trứng dài 2 – 3 cm. Mùa hoa tháng tư, năm. Mùa quả tháng năm, bảy.

### ***1.1.2 Phân bố và thu hái:***

Mọc hoang ở khắp nơi trên nước ta, thường trẻ con hay hái quả ăn. Trước đây hầu như nhân dân ta không dùng cây này làm thuốc. Từ năm 1940, một dược sĩ người Việt Nam từ Pháp về thấy cây này hơi giống cây Passiflora ở bên Pháp mà tại pháp người ta dùng làm thuốc an thần nên đã sử dụng cây lạc tiên của ta chế thành thuốc an thần, từ đó ta quen dùng nó làm một liều thuốc an thần.

Trong rễ cây này, có các ancaloit như stephaenin  $C_{33}H_{36}O_5N_2$ , prostephanin  $C_{38}H_{57}O_8N_4$ , epistephanin  $C_{19}H_{21}O_3N$ . Seudoepistephanin  $C_{19}H_{21}O_3N$  và homostephanin  $C_{32}H_{44}O_7N_2$ . tất cả đều có tinh thể.

## **I.2 Tính chất :**

### ***1.2.1 Thành phần hoá học :***

Chưa thấy tài liệu nghiên cứu ở nước ta. Theo Quesland Agr.j.43.1930:65,qua chín chứa axit cyanhydric.Tuy nhiên trẻ con ăn không thấy bị ngộ độc

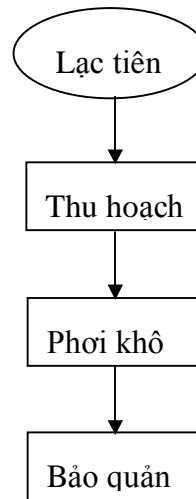
### ***1.2.2 Công dụng và liều dùng:***

Các xí nghiệp và bệnh viện thường dùng chế thành thuốc nước ngọt có pha cồn làm thuốc an thần, chữa mất ngủ, tim hồi hộp nhưng thường khôì trộn

với nhiều loại thuốc khác như tim sen, lá dâu, đôi khi thêm cả Bromua nên khó đánh giá tác dụng. Có người chỉ dùng cây này sắc uống cũng thấy tác dụng ngủ và an thần .

Ngày dùng 6 – 16 gam cây khô dưới dạng thuốc sắc hay pha rượu

Quy trình công nghệ:



Hái toàn cây trừ rễ, không chế biến gì đặc biệt dùng tươi, phơi khô mà chế thuốc sắc hay pha rượu.

### ***1.2.3 Tiêu chuẩn chất lượng cây lọc tiên theo ĐĐVN1:***

(TCVN-3424-80 Dược điển Việt Nam 2)

➤ Thử tinh khiết:

- Độ ẩm :không quá 13%.
- Tro toàn phần :không quá 10%.
- Tạp chất :không quá 1%

➤ Tính vị, quy kinh:

- Vị ngọt nhạt, tính mát

➤ Công năng:

- Thanh tâm, an thần , dưỡng cam, chỉ thống kinh

➤ Chủ trị:

- Suy nhược thần kinh mất ngủ, ngủ hay mơ, phụ nữ hành kinh sớm, đau bụng do nhiệt hạo.

➤ Cách dùng và liều lượng:

- Ngày dùng 20-40 g dạng thuốc sắc hoặc dùng 2-5g cao lỏng chia nhiều lần uống nên uống trước khi đi ngủ.

## II. VÔNG NEM

### II.1 Nguồn gốc:

Vông nem còn có tên là Hải đồng bì, Thích đồng bì.

Tên khoa học *Erythrim indica* Lanak.

Thuộc họ cánh bướm ( *Papilionaceae* ).

Ta dùng tươi, phơi hoặc sấy khô ( *folium Erythrinae* ) hoặc vỏ thân phơi khô ( *Cortex Erythrinae* ) của cây vông. Tên vông nem vì nhân nhân thường dùng để gói nem và để phân biệt với cây vông đồng.

#### II.1.1 Mô tả cây:

Cây cao từ 2 - 10 m, mọc khắp nơi, nhưng đặc biệt ưa mọc ở ven biển. Thân có gai ngắn. Lá gồm 3 lá chét, dài 20 - 30 cm, lá chét màu xanh, bóng, lá chét giữa rộng hơn và dài từ 10 – 15 cm, hai lá chét hai bên dài hơn, rộng hình ba cạnh. Hoa màu đỏ tươi, tụ họp từ 1 – 3 chùm dày. Quả giáp dài từ 15-30 cm đen, hơi hẹp lại ở giữa các hạt. Trong mỗi quả có 5 – 6 hạt hình thận màu đỏ hoặc nâu, tễ rộng, hình trứng đen có vành trắng.

### ***II.1.2 Phân bố và thu hái:***

Mọc hoang và được trồng ở khắp nơi trong để làm hàng rào, lấy lá ăn hay làm cảnh.

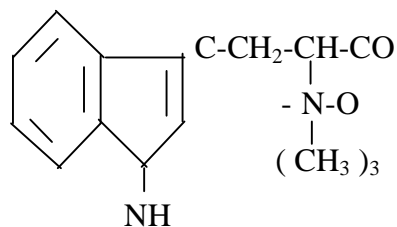
## **II.2 Tính chất:**

### ***II.2.1 Thành phần hoá học và tác dụng dược lý:***

Lá và thân đều chứa một loại ancaloit độc Erythin có tác dụng làm giảm và có khi làm mất hẳn hoạt động thần kinh trung ương, tuy nhiên không ảnh hưởng đến độ kích thích vận động và sự co bóp của cơ.

Có tác giả còn thấy dược chất Daponin gọi là Migarin có tính chất làm giãn đồng tử.

Trong hạt còn có ancaloit gọi là Hypaphorin  $C_{14}H_{18}O_2N_2.H_2O$ . Hypaphorin là một chất có tinh thể sau khi sấy khô, chảy ở  $225^{\circ}C - 293^{\circ}C$ , Tan trong nước khi chịu tác dụng của KOH đặc, hypaphorin cho trimetylamin và indol. Hypaphorin đã tổng hợp được chất tăng phản xạ kích thích của ếch và cuối cùng đưa đến trạng thái co giật uốn ván.



Hypaphorin



Ngô Ứng Long ở phòng dược lý trường sĩ quan quân y ( 1960 ) có nghiên cứu tác dụng dược lý của lá vông đi đến kết luận như sau:

- Tác dụng ức chế hệ thần kinh trung ương: Làm yên tĩnh gây ngủ, hạ nhiệt độ, hạ huyết áp.

- Tác dụng co bóp các cơ.

- Lá vông ít độc, thí nghiệm trên chuột nhắt trắng, chuột lang, thỏ, mèo, chó, khi đều không thấy hiện tượng ngộ độc nào. Trên thí nghiệm nước sắc lá vông có 9% NaCl có tác dụng làm co cứng cơ chân ếch và co thắt trực tràng, co thắt cơ van, cơ hậu môn.

### ***II.2.2 Công dụng và liều dùng:***

- Thuốc an thần gây ngủ:

Rượu lá vông dùng 1 – 2 g/ngày, Cao lá vông dùng với liều 2 – 4 g/ngày, hoặc xirô lá vông ( rượu tươi lá vông 1/5 :150ml; Xirô vừa đủ 500ml ) uống mỗi ngày 20ml trước khi đi ngủ. Có thể dùng uống hãm hoặc sắc thuốc, ngày uống 2 – 4 g lá.

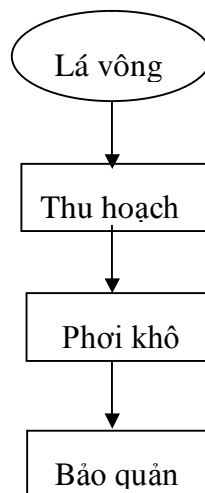
- Nhân dân ta còn uống lá vông và đắp lá vông hơi nóng vào hậu môn để chữa trĩ

- Bệnh viện 108 ( Hà Nội ) dùng lá vông nem đã rửa sạch bằng thuốc tím giã nhỏ với một ít cơm nguội đắp lên các vết loét ( chữa bằng các lỏi khác không khỏi ) thấy vết loét chóng lên da non. nếu đắp lâu quá thì thịt có thể lên cao quá mức cũ.

- Nhân dân Trung Quốc dùng vỏ cây vông làm thuốc chữa sốt, sát trùng, thông tiểu, an thần gây ngủ, dùng trong bệnh thổ tả, lỵ, amip, trực tràng, nhuận tràng. Dùng với liều 6 – 12 g dưới dạng thuốc sắc. Còn dùng làm thuốc xoa bóp, thuốc mỡ.

Theo tài liệu cổ, vông nem có vị đắng, tính bình, vào hai kinh can và thận. Có tác dụng khử phong thấp, thông kinh lạc, sát trùng. Dùng chữa lưng, gối đau nhức, tê liệt, lở ngứa. Người không phong hàn thấp không dùng được.

Quy trình công nghệ:



### II.2.3 Tiêu chuẩn chất lượng cây vông nem

- Thử tinh khiết:
  - Độ ẩm : Không quá 12%.
  - Tỷ lệ vụn nát : Không quá 4%.
  - Tạp chất : Không quá 1%.
- Tính vị, quy kinh:
  - Vị đắng nhạt, hơi chát, tính bình. Vào ba kinh: tâm, can, thận.
- Công năng:
  - An thần, sát trùng, tiêu tích.
- Chủ trị:
  - Tim hay hồi hộp, ít ngủ hoặc mất ngủ, trẻ em cam tích viêm ruột, ỉa chảy, kiết lỵ, viêm da, lở chảy nước ( Sắc đặc rồi rửa ), phong thấp, ung độc.

➤ Cách dùng, liều lượng:

- Ngày dùng 4 – 6 g, dạng thuốc sắc

### **III. SEN.**

#### **III.1 Nguồn gốc:**

Sen còn có tên là Liên, Quỳ.

Tên khoa học: *Nelumbo nucifera garernt* ( *Nelumbium nuciferum geartn*; *Nelumbium speciosum willd* ).

Thuộc họ sen ( *Nelumbonaceae* ).

Ta dùng tâm sen ( *Embryo Nelumbinis* ) còn gọi là liên tâm hay liên từ tâm ( là chồi mầm khô hay sấy khô lấy ở hạt sen ).

##### **III.1.1 Mô tả cây:**

Sen là một cây mọc ở dưới nước, thân rễ hình trụ mọc ở trong bùn gọi là ngó sen, ăn được, lá mọc lên khỏi mặt nước, cuống lá dài có gai nhỏ, phiến lá hình kiền to, đường kính 60 – 70 cm, có gân toả tròn. Hoa có màu trắng hay đỏ hồng đều, lưỡng tính, dài 3 – 5 cm, màu lục. Tràng gồm nhiều cánh màu

hồng hay trắng một phần; những cánh dài còn có màu lục như lá đài. nhị nhiều, bao phần hai ô nứt theo một kẽ dọc. Trung đới mọc dài ra thành một phần hình trắng thường gọi là gạo sen dùng để ướp trà. nhiều lá noãn rời nhau đựng trong một đế hoa loe ra thành hình nón ngược gọi là gương sen hay liên phòng. Mỗi lá noãn có một đến hai tiểu noãn. Quả thường gọi là hạt sen, chứa một hạt không nội nhũ, hai lá mầm dày, chồi mầm ( liên tâm ) gồm bốn lá non gập vào phía trong.

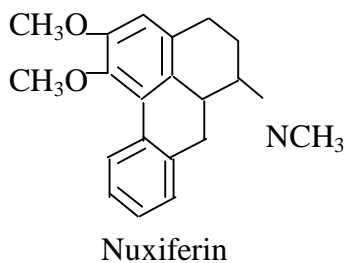
### III.1.2 Phân bố và thu hái:

Sen được trồng nhiều trong nước, để ăn và dùng làm thuốc. Mùa thu hái vào tháng bảy đến tháng chín.

### III.2 Tính chất:

Năm 1970, D.conitomo đã tách được từ lá sen các chất anonain, pronuxiferrin, N-ornuxiferin, liriodenin, D-N-metylcoclaurin, roemerin, nuxiferin và O-nornuxiferin. Trong liên tâm có asparagin  $\text{NH}_2\text{-COCH}_2\text{CH(NH}_2\text{)-COOH}$  và có một ít ancaloit chừng 0.06%.

Nelumbin là một chất màu trắng có vị rất đắng, có thể đặc, cứng và giòn ở  $40 - 50^\circ\text{C}$ . Trên  $65^\circ\text{C}$  là một chất sền sệt, dễ tan trong rượu, trong clorofoc, eteetylic, axeton, axit loãng và cồn amylic, nhưng gần như không tan trong ête dầu hoả, cho kết tủa với các thuốc thử ancanoit.



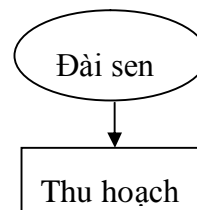
**III.2.1 Tác dụng dược lý:**

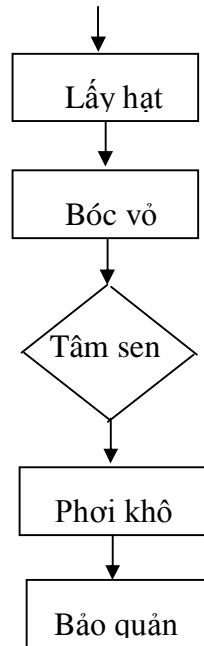
- Nelumbin có tính chất độc với tim.
- Có tác dụng bình tĩnh dự tính cho nên có thể dùng trong bệnh di tinh.
- Qua nhiều lần thử tác dụng của thuốc chế từ sen trên tử cung cô lập của chuột có thai và không có thai thấy có tính chất làm yếu cơ.
- Nhưng thí nghiệm trên tử cung cô lập của thỏ lại thấy tác dụng kích thích.
- Đối với chuột cô lập sen làm giảm sự co bóp.

**III.2.2 Công dụng và liều dùng:**

- Dùng chữa tim, hồi hộp, mất ngủ, di mộng tinh.
- Ngày uống 4 – 10 g tâm sen khô dưới dạng thuốc sắc hoặc thuốc pha , có thể thêm đường cho dễ uống.
- Thoe tài liệu cổ tâm sen có vị đắng, tính hàn. Có tác dụng thanh tâm khử nhiệt. Dùng chữa tâm phiền, thổ huyết.

Quy trình công nghệ:





#### **IV. THẢO QUYẾT MINH: ( CASSIAE TORA )**

Là hạt phơi hay sấy khô của cây Thảo quyết minh ( Cassi Tora ) thuộc họ vang ( Cassalpiniaceae ).

Tên khác: Hạt muồng, đậu ma, giả lục đậu, giả hoa sinh, lạc giời.

#### **IV.1 Mô tả chung:**

- Cây nhỏ: 0.3 – 0.9 m.
- Lá mọc so le.
- Hoa màu vàng tươi.
- Quả là một giáp hình trụ dài, màu nâu nhạt, bóng, vị nhạt hơi đắng.

#### **IV.2 Thành phần hoá học:**

Hạt có Antraglucozic, chất béo, protit.

#### **IV.3 Tác dụng chữa bệnh:**

Chữa nhức đầu, đau mắt, mờ mắt.

#### **IV.4 Liều dùng:**

5 – 10 g/ngày, thường phối hợp với các vị khác.

Kiêng kỵ: Người hay đi tiêu chảy không nên dùng.

### **V. HƯƠNG LIỆU: HOA LÀI.**

Hoa Lài: Có hai loại.

- **Loại thứ nhất:** Có tên khoa học là *Jasminjim grandyoraml*.

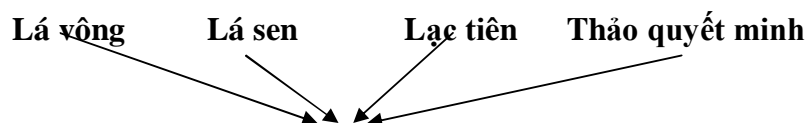
---

Loại này có hoa to, năm cánh, được gọi là Lài đơn, thường trồng nhiều ở Châu Âu để làm nguyên liệu cho công nghiệp sản xuất tinh dầu.

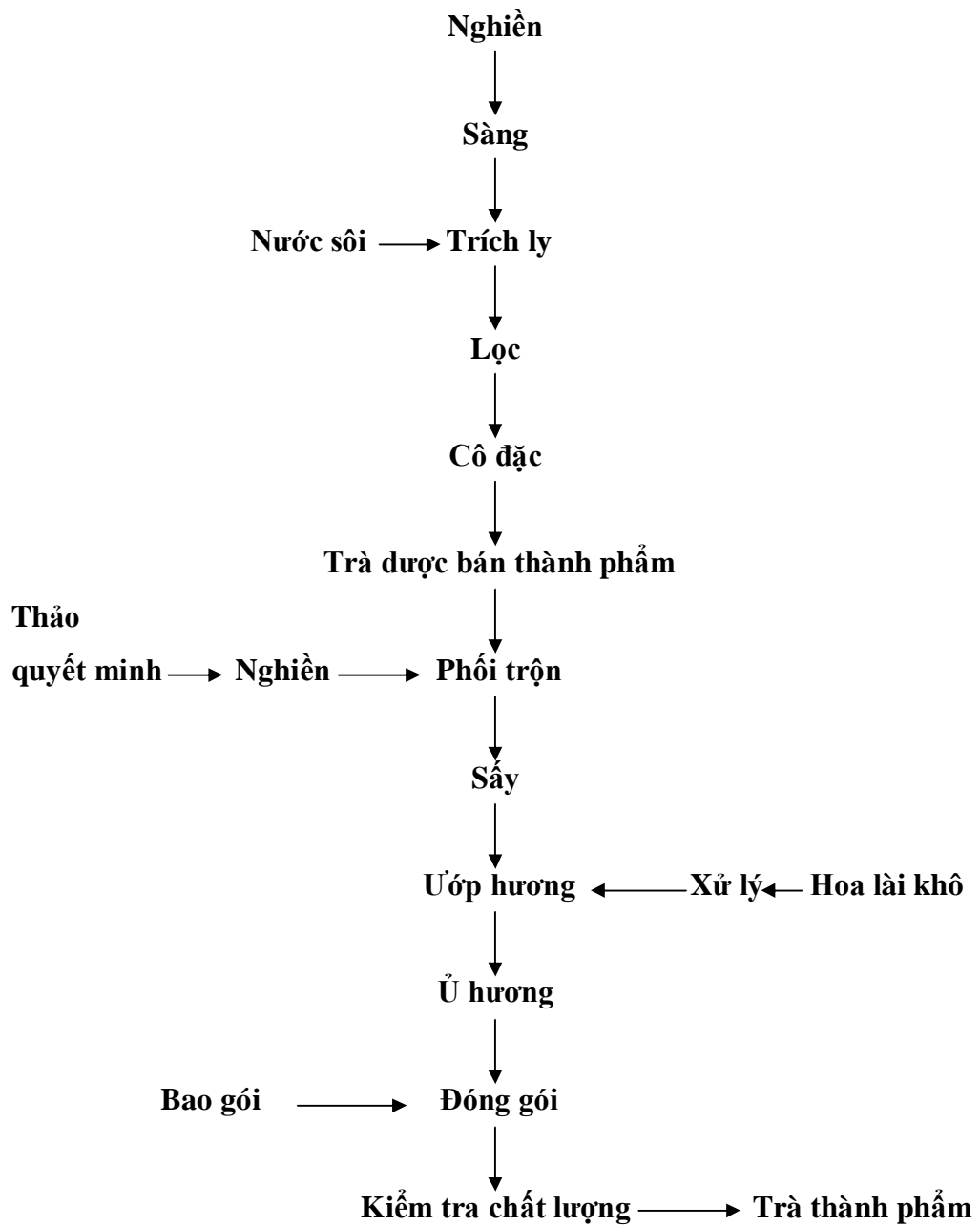
➤ **Loại thứ hai:** Có tên khoa học là: *Jasminum sambac* hay còn gọi là Lài kép. cây nhỏ, nhiều cành, mọc xoà ra. lá hình trái tim, xoắn nhọn ở đầu và ở phía cuống, dài 3 – 7cm, rộng 20 – 35mm, ở hai mặt đều bóng. khe các gân phụ ở mặt dưới có lông, hoa tự mọc ở đầu cành, có cánh nhỏ ít hoa. Quả có hai ngăn, hình cầu, đường kính 6mm, màu đen, quanh có đài phủ lên. Được trồng nhiều ở Châu Á dùng làm kiếng hoặc lấy hoa để ướp trà. hàm lượng tinh dầu của hoa lài vào khoảng 0.8% và là ester của các chất axit jeomic, axit benzoic với linalol hay ester của antramilic với aldol. Hoa thường nở vào lúc 16 – 20h nên người ta phải hái hoa vào lúc 7 – 8h sáng. Sau khi thu hái, hoa còn ở dạng búp tròn, chặt, cần được chuyển về nơi bảo quản.

## Chương 4: PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT

### VI. SƠ ĐỒ QUY TRÌNH SẢN XUẤT TRÀ AN THẦN

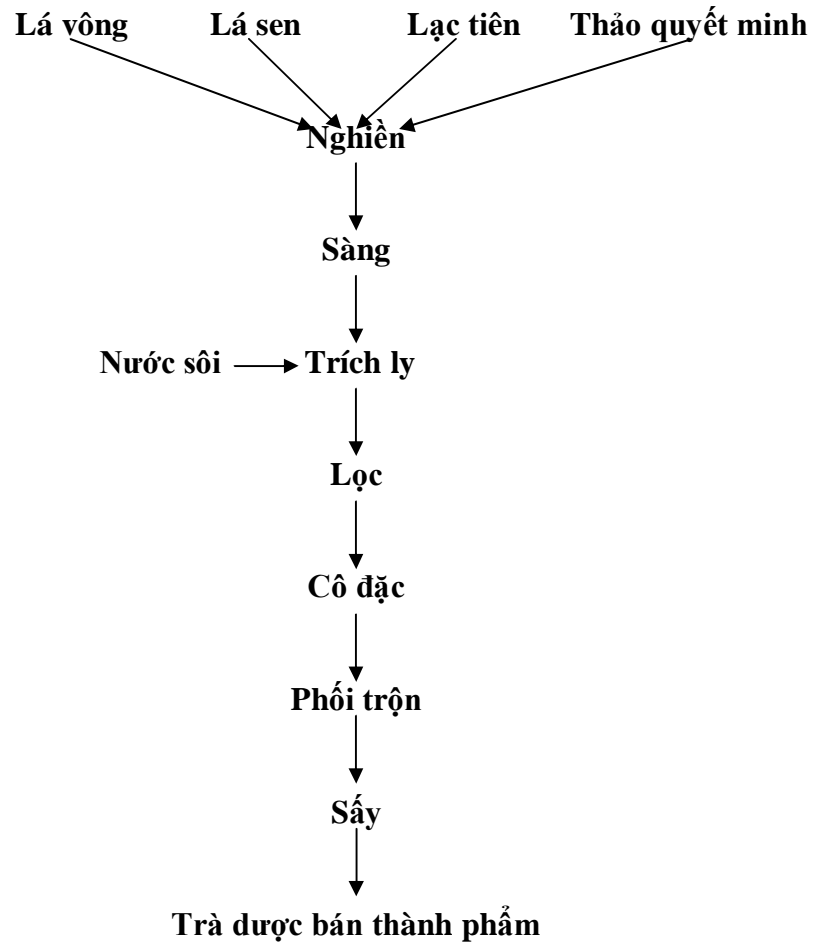






## VII. SẢN XUẤT TRÀ DƯỢC LIỆU BÁN THÀNH PHẨM

### SƠ ĐỒ QUI TRÌNH CÔNG NGHỆ



## II.1 Thuyết minh các quá trình:

### II.1.1 Quá trình nghiền:

Để phân chia dược liệu đến một kích nhất định nhằm làm tăng diện tích tiếp xúc giữa dược liệu và dung môi do đó làm tăng tốc độ hoà tan và khuếch tán của chất tan. Nếu dược liệu được nghiền thô quá, quá trình trích xảy ra chậm, hiệu suất trích thấp. Nếu dược liệu được chia nhỏ quá tế bào trong cây dược liệu vụn nát nhiều, dung môi chịu tác dụng trực tiếp lên nguyên sinh chất và các chất trong tế bào, hòa tan cả hoạt chất lẫn tạp chất. Theo dược điển Việt Nam, độ chia nhỏ thích hợp của dược liệu tùy thuộc vào loại dược liệu và bộ phận của cây dược liệu được sử dụng. Kích thước thích hợp đối với lá từ 5-10mm, đối với cây nhỏ thân mềm từ 3-5mm. Sử dụng máy nghiền búa có lưới, cỡ thích hợp.

### ***II.1.2 Quá trình sàng.***

Sau khi nghiền cần phải sàng lấy bột thô lọt sàng có kích thước tương đối đồng đều để làm nền tẩm dịch trích, phần trên sàng được đem trích ly lấy dịch trích rồi cô đặc. Sử dụng máy sàng có kích thước lỗ dưới 2mm, máy được sử dụng phổ biến trong ngành sản xuất trà.

### ***II.1.3 Quá trình trích ly:***

Là quá trình hoà tan dược chất tan có trong dược liệu (chủ yếu là các chất có tác dụng sinh học) vào dung môi thích hợp, sau đó tách dịch trích ra khỏi phần bã. Vì vậy khi trích cần phải lựa chọn dung môi và điều kiện trích thích hợp để thu được dịch trích có nhiều hoạt chất, và ít tạp chất nhất.

Thực tế cho thấy rằng, các hoạt chất có tác dụng an thần trong cây lạc tiên và lá vông nem, sen, thảo quyết minh có thể trích ly bằng nước nóng đạt hiệu quả và dịch trích có tác dụng rất tốt ( theo kinh nghiệm dân gian và y học cổ truyền ) Hơn nữa dùng dung môi là nước có nhiều ưu điểm như: Trơ về mặt hoá học, không có mùi vị, không độc hại, không cháy nổ, rẻ tiền, dễ kiếm... .Nước chỉ trích ly được các chất hoà tan trong nước nên rất phù hợp cho việc trích dịch để tẩm vào trà, vì khi sử dụng trà được pha lại bằng nước.

Hiệu quả của quá trình trích còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố như tỷ lệ dược liệu và dung môi, thời gian trích, nhiệt độ trích.

➤ **Tỷ lệ dược liệu trên dung môi:**

Nếu tỷ lệ này cao, hiệu suất trích thấp, nồng độ chất khô của dịch trích cao, cô đặc nhanh, nếu tỷ lệ này nhỏ, hiệu suất trích cao, nhưng nồng độ chất khô thấp phải cô đặc lâu, ảnh hưởng đến hoạt chất và tiêu tốn năng lượng. Trích bằng nước tỷ lệ tốt nhất là: 1/10 – 1/8. Theo tỷ lệ này nước vừa ngập dược liệu, đảm bảo dung môi tiếp xúc hoàn toàn với dược liệu.

➤ **Thời gian trích:**

Nếu thời gian trích ngắn, thì hiệu suất trích thấp, nếu thời gian dài đến một lúc nào đó thì nồng độ hoạt chất không tăng nữa nhưng nồng độ tạp chất lại tăng lên. Vì các hoạt chất trong dược liệu thường có trọng lượng phân tử nhỏ hơn tạp chất nên quá trình khuếch tán các chất này xảy ra nhanh hơn và đạt đến cân bằng nhanh hơn. Ngoài ra nếu thời gian lâu hoạt chất có thể bị phân huỷ nhiều. Dược liệu là lá, và thân mềm được phân chia với kích thước thích hợp thì thời gian trích bằng nước nóng từ 20 – 30 phút là được.

➤ **Nhiệt độ trích:**

Cho dược liệu và nước vào thiết bị trích cùng lúc, sau đó gia nhiệt cho đến sôi và giữ nhiệt độ sôi trong thời gian quy định ( 20 – 30 phút ).

#### **II.1.4 Quá trình lọc:**

Khi trích xong, rút dịch và ép bã lấy dịch, dịch được trích chứa nhiều mảnh vụn xác dược liệu, nếu không loại ra sẽ gây khó khăn trong quá trình cô

đặc vì xác mảnh vụn này lắng xuống đáy thiết bị, gây khô khét. Dịch trích được lọc bằng vải lọc, để loại xác dược liệu và tạp chất cơ học.

### ***II.1.5 Quá trình cô đặc:***

Sử dụng nhiệt độ cao để làm bốc hơi nước, làm tăng nồng độ chất khô của dịch trích. Lấy toàn bộ dịch trích đổ vào thiết bị cô cách thủy, khi bắt đầu cô, tăng nhiệt để đun sôi dịch trích, vớt bỏ bọt và tạp chất nổi lên.

Sau đó giảm bớt nhiệt, giữ cho dịch trích bốc hơi đều. Khi dịch trích càng đậm đặc, độ nhớt càng lớn, hệ số truyền nhiệt giảm, sự bốc hơi càng chậm. Do đó ở giai đoạn cuối phải thường xuyên khuấy đều. Đối với dịch trích dược liệu cô đặc (cao lỏng) người ta thường xác định mức độ cô đặc dựa vào tỷ trọng và sự tương ứng so với dược liệu ban đầu. Tỷ trọng dịch trích cô đặc từ 1.04 – 1.40 tương ứng với 1ml dịch trích thu được từ 1 – 5 g dược liệu khô.

Qua thí nghiệm xác định được nồng độ dịch trích phù hợp cho quá trình sản xuất trà. Nếu dịch đặc quá thì phối trộn và không thấm đều vào bột dược liệu khô làm nên. Nếu lỏng quá không sấy được. Nồng độ thích hợp cho quá trình phối trộn theo công thức trà đang nghiên cứu là 1ml dịch trích cô đặc tương đương với 2 g dược liệu khô ban đầu và có tỷ trọng khoảng 1.1. Dịch trích có màu nâu đen, sánh như xirô, mùi thơm dược liệu, tan tốt trong nước với bất kỳ tỷ lệ nào. Dịch tính có ancaloit (chất có tác dụng an thần).

### ***II.1.6 Quá trình phối trộn:***

Sau khi cô đặc có dịch trích ở trạng thái sánh và bột thô dược liệu đã được chuẩn bị, tiến hành cân theo tỷ lệ trong công thức quy định. Bột thô các dược liệu được phối trộn đều trước rồi cho dịch trích cô đặc vào và tiếp tục trộn đều. Sau khi phối trộn hỗn hợp dược liệu (2 g bột thô trộn với 1 ml dung

dịch trích cô đặc có tỷ trọng 1.1 và nồng chất khô 12% ) có độ ẩm rất cao ( khoảng 63% ), cần phải sấy đến độ ẩm quy định ( 8% ) .

### ***II.1.7 Quá trình sấy:***

Dùng nhiệt độ cao để làm bốc hơi nước trong trà. Sau khi bốc hơi nước, các thành phần hoạt chất có trong dịch trích cô đặc được phân tán đều lên các mảnh bột thô dưới dạng hạt nhỏ tiến hành sấy ở nhiệt độ 70 – 80<sup>0</sup>C đến khi đạt độ ẩm 8%. Nếu nhiệt độ quá cao hoạt chất bị biến đổi nhiều, ảnh hưởng đến chất lượng. Nếu nhiệt độ thấp, thời gian sấy kéo dài. Sử dụng thiết bị sấy kiểu thùng quay hoặc tủ sấy.

Sau khi sấy, trà dược liệu là dạng bột thô màu nâu đen, có mùi thơm dược liệu, độ ẩm 8%. Có độ hoà tan chất tan nhanh khi pha, hãm bằng nước sôi, nước pha có màu nâu sáng, định tính có alcanoit.

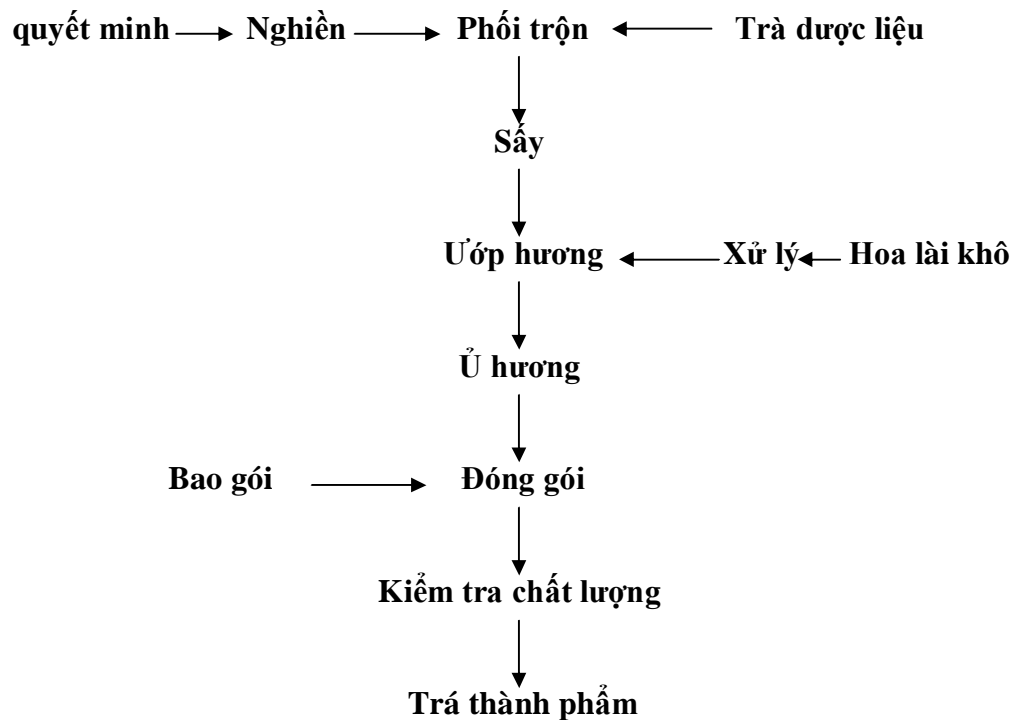
## **VIII. SẢN XUẤT TRÀ AN THẦN:**

Trà túi lọc là một dạng trà sau khi chế biến có dạng bột thô, được chứa trong một túi giấy nhỏ vừa có tác dụng làm bao chứa, vừa có tác dụng

lọc. Khi sử dụng, chỉ cần bỏ túi trà vào ly rồi bỏ nước sôi vào, sau một khoảng thời gian nào đó vớt túi ra thì dùng được. Túi có tác dụng cho chất tan đi qua và giữ lại bã. Loại giấy được sử dụng làm túi gọi là giấy gió, không làm ảnh hưởng đến nước pha, tuy nhiên không có tác dụng giữ hương, cần phải có một lớp bao bì kín bên ngoài như giấy nhôm, bọc nylon... Trong những năm gần đây, dạng trà này xuất hiện nhiều ở nước ta. Đặc biệt trong các loại trà thuốc, rất tiện cho người sử dụng.

### Quy trình công nghệ

#### Thảo



## Thuyết minh quy trình:

### III.1 Hương liệu và cách xử lý:

Hương liệu dùng là hoa Lài khô, hương liệu này được sấy khô ở nhiệt độ 50 – 60<sup>0</sup>C, sau đó nghiền thành dạng bột thô qua rây 2 mm, rồi bảo quản trong thiết bị kín không có hương lạ.

### **III.2 Làm thí nghiệm cảm quan chọn tỷ lệ phối trộn:**

Trong quá trình làm thí nghiệm, đã phối trộn ra các mẫu trà thành phẩm bao gồm trà dược liệu và Thảo quyết minh với tỷ lệ như sau: 2g Thảo quyết minh / 1 ml dịch trích dược liệu cô đặc ( Với tỷ trọng là 1.2 ml/g ) là thích hợp.

### **III.3 Phối trộn:**

Tiến hành cân Thảo quyết minh, trà dược liệu và hoa Lài đã xử lý, theo tỷ lệ đã xác định, sau đó phối trộn cho đều.

### **III.4 Sấy và ướp hương:**

Để phát huy hương thơm tự nhiên của trà làm trà mất mùi hăng, vị của trà chuyển sang dịu hơn, đồng thời làm giảm độ ẩm của trà, tạo trà có khả năng hấp thụ nhiều hương thơm ta cần phải tiến hành sao trà.

Nhiệt độ sao phải giữ ổn định ở 70 – 80<sup>0</sup>C, thời gian sao là 1 giờ. Cần tuân thủ đúng chế độ nhiệt độ, và thời gian. Tăng cường khuấy đảo để trà không bị khô khét, và bảo đảm cho trà có độ ẩm đồng đều, khoảng 2 – 2.5% sau khi sao.

Có 3 chế độ thoát ẩm và mùi của trà phụ thuộc vào nhiệt độ:

➤ **Giai đoạn đầu:** Lúc trà vừa tiếp xúc với thành thiết bị, trà bị đốt nóng, nên xảy ra sự thoát ẩm bề mặt và các tạp hương.



---

➤ **Khi tăng nhiệt độ sao:** Nhiệt độ sẽ truyền sâu vào bên trong, tiếp tục làm bay hơi nước, hạ thấp độ ẩm của trà đến giới hạn cần cho quá trình ướp hương. Cùng với sự thoát hơi nước mạnh mẽ này, chất thơm tự nhiên của trà cũng bị kéo theo, lúc này rất dễ nhận biết qua mùi.

➤ **Khi nhiệt độ của trà được tăng dần đến giới hạn ảy ra phản ứng Mêlanôidin:** Các sản phẩm có mùi thơm dễ chịu sẽ thoát ra bên ngoài, lúc này phải cho hương vào ngay lập tức, rồi tiếp tục sao thêm 10 phút rồi kết thúc quá trình ướp hương.

### III.5 Quá trình ủ hương:

Thực chất đây là quá trình hoàn thiện của quá trình ướp hương, trà và hương đang ở trạng thái nóng, được cho vào các thiết bị chứa kín, cách âm trong một khoảng thời gian nào đó.

Theo như các nhà công nghệ hiện nay, thời gian ủ hương càng lâu, thì độ bền hương của trà hương sẽ càng cao. Tuy nhiên nếu giữ lâu, chu kỳ sản xuất sẽ kéo dài, tốn nhiều thiết bị chứa, mặt bằng sản xuất. Theo nghiên cứu của thầy Tổng văn Hằng thì: "*Trên mô hình toán học của quá trình ướp hương và ủ hương, yếu tố thời gian ủ hương không có ảnh hưởng rõ rệt đến giá trị cảm quan của trà hương sản phẩm* ". Vì vậy trong sản xuất, người ta chỉ dùng thời gian để nguội trà về nhiệt độ bình thường là thời gian ủ hương, để rút ngắn chu kỳ sản xuất, giảm chi phí thiết bị và mặt bằng sản xuất

### III.6 Quá trình Đóng gói:

Trà sau khi ướp hương phải được đóng gói ngay, sử dụng toàn giấy gió để làm bao bì. Vừa có tác dụng làm túi chứa, vừa có tác dụng lọc giữ bã. Bên ngoài phải có một lớp bao bì kín để giữ hương. Có thể đóng gói bằng máy đóng gói tự động, hoặc bằng tay.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Luận văn tốt nghiệp thực phẩm 31/90: Nghiên cứu chế biến trà an thần.
- LVTN 86-91 Nghiên cứu và nâng cao chất lượng trà dược liệu.

- LVTN 12-89 Thử nghiệm xây dựng quy trình công nghệ sản xuất trà An thần.

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG:</b>	<b>MỞ ĐẦU.....</b>	<b>2</b>
<b>CHƯƠNG 1:</b>	<b>GIỚI THIỆU VỀ TRÀ .....</b>	<b>3</b>
<b>MỘT SỐ LOẠI TRÀ DƯỢC LIỆU HIỆN ĐANG CÓ TRÊN THỊ TRƯỜNG.....</b>		<b>4</b>

I.	CÔNG THỨC CÁC DẠNG TRÀ THUỐC THƯỜNG DÙNG: .....	4
I.1	Trà giải cảm: .....	4
I.2	Trà lợi tiểu: .....	4
I.3	Trà an thần: .....	4
I.4	Trà nhuận gan: .....	5
I.5	Trà tiêu độc: .....	5
I.6	Trà sâm đại hành: .....	5
I.7	Trà an thần hạ huyết áp: .....	6
II.	CÁC LOẠI TRÀ DƯỢC LIỆU ĐANG LƯU HÀNH TRÊN THỊ TRƯỜNG: .....	6
II.1	Loại trà túi lọc: .....	6
II.2.1	Trà linh chi: .....	6
II.2.2	Trà Raspam: .....	6
II.2.3	Trà Rutivon: .....	6
II.2.4	Trà sâm túi lọc: .....	7
II.2.5	Trà sâm túi lọc: .....	7
II.2.6	Trà seravotea: .....	7
II.2	Loại Trà hoà tan: .....	8
II.2.1	Trà Atiso: .....	8
II.1.2	Trà Atiso: .....	8
II.1.3	Trà Bát bảo: .....	8
II.1.4	Trà sâm cúc: .....	8
II.3	Loại trà gói: .....	9
II.2.1	Trà an thần: .....	9
II.2.2	Trà an thần: .....	9
II.2.3	Trà hạ huyết áp: .....	9
II.2.4	Trà lợi tiểu: .....	9
II.2.5	Trà nhân trần: .....	9
II.2.6	Trà thanh nhiệt: .....	10
II.2.7	Trà tiêu độc: .....	10
II.4.	Loại trà Bánh: .....	10
II.4.1	Trà An thần: .....	10
II.4.2	Trà tiêu độc: .....	10
III.	PHÂN LOẠI SẢN PHẨM: .....	11
III.1	Trà Gói: .....	12
III.2	Trà bánh: .....	13
III.3	Trà cốm: .....	15
	<b>GIỚI THIỆU VỀ TRÀ AN THẦN VÀ CÔNG DỤNG CỦA NÓ: .....</b>	<b>16</b>

---

<b>QUAN ĐIỂM VỀ MÁT NGŨ TRONG Y HỌC.....</b>	<b>17</b>
I.    Y HỌC HIỆN ĐẠI: .....	18
II.   Y HỌC CỔ TRUYỀN: .....	19
<b>CHƯƠNG 3:    NGUYÊN LIỆU .....</b>	<b>19</b>
I.    LẠC TIÊN .....	20
I.1 <i>Nguồn gốc:</i> .....	20
I.1.1 Mô tả cây: .....	20
I.1.2 Phân bố và thu hái: .....	21
I.2 <i>Tính chất :</i> .....	21
I.2.1 Thành phần hoá học : .....	21
I.2.2 Công dụng và liều dùng: .....	21
I.2.3 Tiêu chuẩn chất lượng cây lạc tiên theo ĐĐVN1: .....	22
II.   VÔNG NEM .....	23
II.1 <i>Nguồn gốc:</i> .....	23
II.1.1 Mô tả cây:.....	23
II.1.2    Phân bố và thu hái: .....	24
II.2 <i>Tính chất:</i> .....	24
II.2.1    Thành phần hoá học và tác dụng dược lý:.....	24
II.2.2    Công dụng và liều dùng: .....	25
II.2.3    Tiêu chuẩn chất lượng cây vông nem .....	26
III.   SEN. ....	27
III.1 <i>Nguồn gốc:</i> .....	27
III.1.1 Mô tả cây: .....	27
III.1.2 Phân bố và thu hái: .....	28
III.2 <i>Tính chất:</i> 28	
III.2.1 Tác dụng dược lý: .....	29
III.2.2 Công dụng và liều dùng:.....	29
IV.   THẢO QUYẾT MINH: ( CASSIAE TORA ).....	30
IV.1 .....	Mô tả chung:
.....	31
IV.2.....	Thành phần hoá học:
.....	31
IV.3.....	Tác dụng chữa bệnh:
.....	31
IV.4.....	Liều dùng:
.....	31
IV.5.....	Kiên kỵ:
.....	31

---

---

V. HƯƠNG LIỆU: HOA LÀI.....	31
<b>CHƯƠNG 4: PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT.....</b>	<b>32</b>
I. SƠ ĐỒ QUY TRÌNH SẢN XUẤT TRÀ AN THẦN.....	32
II. SẢN XUẤT TRÀ DƯỢC LIỆU BÁN THÀNH PHẨM.....	33
II.1 Thuyết minh các quá trình:.....	34
II.1.1 Quá trình nghiền:.....	34
II.1.2 Quá trình sàng.....	35
II.1.3 Quá trình trích ly:.....	35
II.1.4 Quá trình lọc:.....	36
II.1.5 Quá trình cô đặc:.....	37
II.1.6 Quá trình phối trộn:.....	37
II.1.7 Quá trình sấy:.....	38
III. SẢN XUẤT TRÀ AN THẦN:.....	38
<b>THUYẾT MINH QUY TRÌNH:.....</b>	<b>39</b>
III.1 Hương liệu và cách xử lý:.....	39
III.2 Làm thí nghiệm cảm quan chọn tỷ lệ phối trộn:.....	40
III.3 Phối trộn: 40	
III.4 Sấy và ướp hương:.....	40
III.5 Quá trình ủ hương:.....	41
III.6 Quá trình Đóng gói:.....	41